

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thang Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thang Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nháy mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số: *H20* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



[Signature]
Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Trọng Thế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2649-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết		31/12/2015	31/12/2014
	số	minh		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		544.881.631.747	388.099.290.220
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	422.254.610.326	265.562.396.295
1. Tiền	111		17.489.019.138	37.377.825.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		404.765.591.188	228.184.570.428
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	37.250.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.250.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.250.876.134	95.308.386.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.905.473.377	90.994.737.701
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.709.381.964	10.731.249.331
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		487.088.012	70.220.687
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.851.067.219)	(6.487.821.384)
IV. Hàng tồn kho	140	10	373.660.595	1.376.140.117
1. Hàng tồn kho	141		373.660.595	1.376.140.117
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.752.484.692	21.852.367.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.217.077.557	18.317.463.933
2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.508.200.208	3.507.971.613
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	27.206.927	26.931.927
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.123.379.602	99.585.533.364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	9	1.478.345.590	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.956.691.181	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.478.345.591)	-
II. Tài sản cố định	220		15.475.763.438	20.715.317.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.375.262.909	20.504.988.257
- Nguyên giá	222		74.388.968.683	78.468.037.302
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.013.705.774)	(57.963.049.045)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	100.500.529	210.328.954
- Nguyên giá	228		703.384.881	1.737.514.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(602.884.352)	(1.527.185.789)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.352.439.050	4.704.588.541
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	1.747.897.360
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	2.956.691.181
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.687.560.950)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		75.816.831.524	74.165.627.612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	63.869.840.116	69.105.745.695
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	11.946.991.408	5.059.881.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		639.005.011.349	487.684.823.584

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết			
	số	minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		217.164.135.719	133.794.594.764
I. Nợ ngắn hạn	310		217.164.135.719	133.794.594.764
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.026.171.663	29.489.463.793
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.339.558.423	1.761.844.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	24.710.359.657	11.338.210.732
4. Phải trả người lao động	314		4.743.777.934	9.066.014.666
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	65.632.473.964	31.441.431.489
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	85.382.810.656	23.953.207.011
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.180.013.495	20.300.311.786
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	19.148.969.927	6.444.111.115
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		421.840.875.630	353.890.228.820
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	421.840.875.630	353.890.228.820
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.853.360.000	140.853.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.944.062.045	12.944.062.045
3. Cổ phiếu quỹ	415		(451.410.000)	(351.410.000)
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		253.204.214.055	185.135.925.220
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	421a		122.973.983.909	114.851.747.210
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		130.230.230.146	70.284.178.010
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.290.649.530	15.308.291.555
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		639.005.011.349	487.684.823.584

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2015	2014
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	449.186.962.738	954.896.425.890
2. Các khoản giảm trừ	02	22	635.776.631	5.676.707.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		448.551.186.107	949.219.718.501
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	165.993.681.685	691.626.409.527
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		282.557.504.422	257.593.308.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	14.054.973.070	28.152.731.810
7. Chi phí tài chính	22	26	554.995.904	393.961.375
8. Chi phí bán hàng	25	28	29.005.411.305	68.927.919.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	103.391.799.505	116.860.676.335
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25))	30		163.660.270.778	99.563.483.740
11. Thu nhập khác	31	27	3.415.780.701	1.077.174.329
12. Chi phí khác	32		564.957.542	1.257.826.715
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.850.823.159	(180.652.386)
14. Lỗ từ đầu tư vào công ty liên kết			-	(3.292.102.640)
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		166.511.093.937	96.090.728.714
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	43.185.615.306	25.331.969.514
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(6.887.109.491)	1.539.270.716
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		130.212.588.122	69.219.488.484
19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(17.642.024)	(1.064.689.526)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		130.230.230.146	70.284.178.010
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	8.348	4.515


Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởngThăng Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	166.511.093.937	96.090.728.714
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.018.575.772	12.624.727.696
Các khoản dự phòng	03	1.873.803.901	2.012.878.599
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.321.737.383)	(494.394.550)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.613.618.529)	(14.452.628.622)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	163.468.117.698	95.781.311.837
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	15.057.006.606	(715.528.029)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.002.479.522	(48.205.798)
Tăng các khoản phải trả	11	60.919.712.863	10.783.807.378
Giảm chi phí trả trước	12	22.336.291.955	32.992.149.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.440.646.026)	(22.006.570.532)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(316.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	229.026.562.618	116.786.963.927
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.893.461.000)	(14.859.507.650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	232.251.538	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.250.000.000)	(8.400.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	23.108.636.362
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.495.805.992	7.456.348.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.415.403.470)	7.305.476.989
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(100.000.000)	(90.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.140.682.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.240.682.500)	(90.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	155.370.476.648	124.002.440.916
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	265.562.396.295	141.065.560.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.321.737.383	494.394.550
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	422.254.610.326	265.562.396.295

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởngThang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần 11 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305045911 ngày 22 tháng 12 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 438 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 426).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động viễn thông có dây; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy tính; xuất bản phần mềm; giáo dục khác; lập trình máy vi tính; công nghệ thông tin; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; hoạt động viễn thông khác, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; đại lý ô tô và xe có động cơ khác; vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sản xuất thực phẩm; bán buôn thực phẩm; bán lẻ ô tô con; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện; thiết bị phân phối và điều khiển điện; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đại lý môi giới, đấu giá; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; quảng cáo; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng nhà các loại.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm Công ty mẹ và các công ty con.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Số 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	3.000.000.000	60%	Phân phối thẻ trả trước: thẻ game, thẻ viễn thông
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Số 153, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.000.000.000	60%	Sản xuất phần mềm
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ trực tuyến quốc tế	Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.000.000.000	100%	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến
		11.000.000.000		

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate, Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT đã tạm ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

Việc áp dụng TT200/TT202 không có ảnh hưởng đến việc ghi nhận và đo lường các khoản mục trên BCTC năm nay và Công ty phân loại lại một số số liệu kỳ trước để so sánh được với kỳ này

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

045
NG
PH
CH
IC TI
FP
T.P

M.S.C.N:010
TRÁC
D
QUAN 1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

917
TY
AN
VU
YEN
T
HO C

112500
CHI NH
CÔNG
H NHIỆM
ELOIT
IỆT NA
TP.HC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 – 5
Thiết bị văn phòng	1 – 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh và phần mềm máy tính. Chi phí mua giấy phép và phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, chi phí xây dựng website, và các loại chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí xây dựng website và các loại chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	112.837.098	308.593.533
Tiền gửi ngân hàng	17.376.182.040	37.069.232.334
Các khoản tương đương tiền	404.765.591.188	228.184.570.428
	422.254.610.326	265.562.396.295

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi với thời hạn nhỏ hơn 3 tháng bằng Đô la Mỹ với mức lãi suất 0% (năm 2014: 0,25%) và Đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 5,25% đến 6,1% một năm (năm 2014: từ 4,6% đến 5,6% một năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	33.250.000.000	33.250.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ				
Đầu tư FPT	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư FC	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
	37.250.000.000	37.250.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2015			31/12/2014		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	5.040.000.000	(3.292.102.640)	1.747.897.360
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đò	-	-	-	5.040.000.000	(3.292.102.640)	1.747.897.360
- Đầu tư vào đơn vị khác	5.040.000.000	(3.687.560.950)	1.352.439.050	2.956.691.181	-	2.956.691.181
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đò	5.040.000.000	(3.687.560.950)	1.352.439.050	-	-	-
Tạp chí thế giới vi tính - PC World Việt Nam	-	-	-	2.956.691.181	-	2.956.691.181
	<u>5.040.000.000</u>	<u>(3.687.560.950)</u>	<u>1.352.439.050</u>	<u>7.996.691.181</u>	<u>(3.292.102.640)</u>	<u>4.704.588.541</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng bên thứ ba	69.465.007.138	78.171.260.957
- Các khoản phải thu khách hàng khác	69.465.007.138	78.171.260.957
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 33)	12.440.466.239	12.823.476.744
	<u>81.905.473.377</u>	<u>90.994.737.701</u>

8. NỢ XẤU

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể		Giá gốc	Giá trị có thể	
		VND	thu hồi		Dự phòng	VND
Công ty CP Sáng Tạo Á Châu	-	-	-	388.955.000	194.477.500	194.477.500
Công ty TNHH Định Công	206.560.000	-	206.560.000	206.560.000	-	206.560.000
Công ty cổ phần truyền thông Asean C&C	237.600.000	-	237.600.000	237.600.000	-	237.600.000
Công ty cổ phần viên thông Gia Phát	5.209.500.000	-	5.209.500.000	5.209.500.000	-	5.209.500.000
Các khách hàng khác	5.248.329.402	3.050.922.183	2.197.407.219	4.336.390.045	3.696.706.161	639.683.884
	<u>10.901.989.402</u>	<u>3.050.922.183</u>	<u>7.851.067.219</u>	<u>10.379.005.045</u>	<u>3.891.183.661</u>	<u>6.487.821.384</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Phải thu dài hạn khác là khoản phải thu Tạp chí thế giới vi tính - PC World Việt Nam, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đơn vị đang lập dự phòng 50% với số tiền 1.478.345.591 đồng (năm 2014: 0 đồng).

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	363.701.504	1.287.105.666
Hàng gửi đi bán	9.959.091	89.034.451
	<u>373.660.595</u>	<u>1.376.140.117</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dịch vụ code viễn thông	-	13.022.072.460
Cước thuê kênh	467.787.391	575.724.209
Phí bản quyền phần mềm	444.046.930	252.125.147
Chi phí trả trước khác	305.243.236	4.467.542.117
	<u>1.217.077.557</u>	<u>18.317.463.933</u>
b) Dài hạn		
Bản quyền, phần mềm	3.639.091.019	8.756.242.881
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	5.716.827.900	3.718.536.145
Chi phí thuê văn phòng	54.513.921.197	56.630.966.669
	<u>63.869.840.116</u>	<u>69.105.745.695</u>

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	2.043.563.950	76.424.473.352	78.468.037.302
Tăng trong năm	-	3.893.461.000	3.893.461.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.359.211.446)	(6.498.879.172)	(7.858.090.618)
Xóa sổ	-	(114.439.001)	(114.439.001)
Tại ngày 31/12/2015	<u>684.352.504</u>	<u>73.704.616.179</u>	<u>74.388.968.683</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	2.043.563.950	55.919.485.095	57.963.049.045
Khấu hao trong năm	-	8.908.747.347	8.908.747.347
Thanh lý, nhượng bán	(1.359.211.446)	(6.498.879.172)	(7.858.090.618)
Tại ngày 31/12/2015	<u>684.352.504</u>	<u>58.329.353.270</u>	<u>59.013.705.774</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>15.375.262.909</u>	<u>15.375.262.909</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>20.504.988.257</u>	<u>20.504.988.257</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 22.089.819.168 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 29.947.909.786 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	264.907.575	1.472.607.168	1.737.514.743
Thanh lý nhượng bán	-	(1.034.129.862)	(1.034.129.862)
Tại ngày 31/12/2015	264.907.575	438.477.306	703.384.881
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	264.907.575	1.262.278.214	1.527.185.789
Khấu hao trong kỳ	-	109.828.425	109.828.425
Thanh lý nhượng bán	-	(1.034.129.862)	(1.034.129.862)
Tại ngày 31/12/2015	264.907.575	337.976.777	602.884.352
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	-	100.500.529	100.500.529
Tại ngày 31/12/2014	-	210.328.954	210.328.954

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	26.931.927	275.000	-	27.206.927
	26.931.927	275.000	-	27.206.927
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.528.331.220	37.832.817.739	33.560.473.926	6.800.675.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.621.426.243	43.185.615.306	33.440.646.026	17.366.395.523
Thuế thu nhập cá nhân	570.977.344	5.605.991.843	5.635.613.144	541.356.043
Các loại thuế khác	617.475.925	172.036.973	787.579.840	1.933.058
	11.338.210.732	86.796.461.861	73.424.312.936	24.710.359.657

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm tài chính trước:

	Doanh thu chưa thực hiện VND
Tại ngày 01/01/2014	6.599.152.633
Chuyển vào lợi nhuận	(1.539.270.716)
Tại ngày 01/01/2015	5.059.881.917
Chuyển vào lợi nhuận	6.887.109.491
Tại ngày 31/12/2015	11.946.991.408

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba	5.655.735.830	20.782.039.894
- Các khoản phải trả khách hàng khác	5.655.735.830	20.782.039.894
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 33)	5.370.435.833	8.707.423.899
	11.026.171.663	29.489.463.793

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trích lương	50.551.408.000	21.799.086.000
Chi phí khác	15.081.065.964	9.642.345.489
	65.632.473.964	31.441.431.489

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu của dịch vụ quảng cáo.

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2015, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 dự kiến sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua trong năm 2016.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty đã được cổ đông góp đủ. Chi tiết vốn góp của các cổ đông của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần FPT	2.106.666	14,96	21.066.660.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	8.327.758	59,12	83.277.580.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	1.409.086	10,00	14.090.860.000
Cổ đông ưu đãi	45.141	0,32	451.410.000
Cổ đông phổ thông khác	2.196.685	15,60	21.966.850.000
	14.085.336	100,00	140.853.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	140.853.360.000	12.944.062.045	(261.410.000)	98.264.759.404	19.649.488.843	271.450.260.292
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.284.178.010	(1.064.689.526)	69.219.488.484
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.850.969.181)	-	(6.850.969.181)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.276.507.762)	(3.276.507.762)
Tăng khác	-	-	-	23.437.956.987	-	23.437.956.987
Số dư tại ngày 31/12/2014	140.853.360.000	12.944.062.045	(351.410.000)	185.135.925.220	15.308.291.555	353.890.228.820
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	130.230.230.147	(17.642.025)	130.212.588.122
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(13.021.258.812)	-	(13.021.258.812)
Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(49.140.682.500)	-	(49.140.682.500)
Số dư tại ngày 31/12/2015	140.853.360.000	12.944.062.045	(451.410.000)	253.204.214.055	15.290.649.530	421.840.875.630

(*): Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: xem thuyết minh số 19.

(**): Tại ngày 01 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 theo nghị quyết 04-2015/FO/BB-HDQT với số tiền là 49.140.682.500 VND (năm 2014: 0 VND). Trong năm đã chi trả 49.140.682.500 VND (năm 2014: 0 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn góp của chủ sở hữu đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	2015		2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn góp của chủ sở hữu được duyệt	14.085.336	140.853.360.000	14.085.336	140.853.360.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.040.195	140.401.950.000	14.040.195	140.401.950.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	45.141	451.410.000	45.141	451.410.000
	14.085.336	140.853.360.000	14.085.336	140.853.360.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(45.141)	(451.410.000)	(35.141)	(351.410.000)
	(45.141)	(451.410.000)	(35.141)	(351.410.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.040.195	140.401.950.000	14.040.195	140.401.950.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-	10.000	100.000.000
	14.040.195	140.401.950.000	14.050.195	140.501.950.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	1.740.569	1.034.981

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPTLô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	449.186.962.738	954.896.425.890
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	16.227.853.091	234.400.305.566
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	432.959.109.647	720.496.120.324
Các khoản giảm trừ doanh thu	635.776.631	5.676.707.389
- Các khoản giảm trừ doanh thu	635.776.631	5.676.707.389
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>448.551.186.107</u>	<u>949.219.718.501</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	11.727.180	100.643.466.387
Giá vốn cung cấp dịch vụ	165.981.954.505	590.982.943.140
	<u>165.993.681.685</u>	<u>691.626.409.527</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	134.262.037.658	153.505.648.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.018.575.772	12.624.727.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.512.958.492	624.631.452.674
Các chi phí khác	19.597.320.573	86.653.176.412
	<u>298.390.892.495</u>	<u>877.415.005.196</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	12.495.805.992	7.456.348.277
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.559.167.078	497.775.831
Lãi từ thu hồi các khoản đầu tư	-	20.198.607.702
	<u>14.054.973.070</u>	<u>28.152.731.810</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	395.458.310	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	159.537.594	393.961.375
	<u>554.995.904</u>	<u>393.961.375</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh bởi các giao dịch bán nội bộ giữa Công ty và công ty con và lỗ trước thuế của các công ty con.
- (ii) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của năm trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	130.230.230.146	70.284.178.010
Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>(13.021.258.812)</u>	<u>(6.850.969.181)</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>117.208.971.334</u>	<u>63.433.208.829</u>
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.040.195	14.050.195
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.348</u>	<u>4.515</u>

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.354.045.472	9.708.524.367
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.513.414.500	5.675.418.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>5.745.600.000</u>	<u>943.588.800</u>
	<u>10.259.014.500</u>	<u>6.619.006.800</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê tầng 4 tòa nhà FPT Cầu Giấy: Hợp đồng số T4.3-2013/FPT-FO ngày 15 tháng 02 năm 2013 thời hạn thuê 36 tháng từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016. Diện tích thuê là 860m², tiền thuê 315.000 đồng/m²/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ, tiền thuê được bắt đầu tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013. Hiện đã ký thêm Phụ lục số 01 ngày 31 tháng 3 năm 2014, điều chỉnh lại diện tích thuê là 690m², tiền thuê 315.000 đồng/m²/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ. Phí dịch vụ hàng tháng là 73.500 đồng/m²/tháng tiền thuê được bắt đầu tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.
- Thuê tầng 5 tòa nhà FPT Cầu Giấy: Hợp đồng số 05-2012/FPT-FO ngày 01 tháng 01 năm 2012 thời hạn thuê 20 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 7 năm 2013. Diện tích thuê là 960m², tiền thuê 315.000 đồng/m²/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ. Hiện đã ký thêm Phụ Lục số 01.T5 ngày 24 tháng 7 năm 2015, tiếp tục gia hạn thêm 3 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 với cùng mức giá và diện tích thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, Cổ phiếu quỹ, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	421.649.568.775	264.867.794.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.280.662.190	189.683.187.738
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	37.250.000.000	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.352.439.050	2.956.691.181
	542.532.670.015	461.507.673.546
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	81.178.398.869	216.948.048.263
Chi phí phải trả	65.632.473.964	31.441.431.489
	146.810.872.833	248.389.479.752

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	36.822.128.288	22.153.760.171	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản như sau:

	2015	2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<u>1.841.106.414</u>	<u>1.107.688.009</u>

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	422.254.610.326	-	422.254.610.326
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.392.561.389	-	82.392.561.389
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	37.250.000.000	-	37.250.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.352.439.050	-	1.352.439.050
	543.249.610.765	-	543.249.610.765
Phải trả người bán và phải trả khác	12.163.537.542	-	12.163.537.542
Chi phí phải trả	65.632.473.964	-	65.632.473.964
	77.796.011.506	-	77.796.011.506
Chênh lệch thanh khoản thuần	465.453.599.259	-	465.453.599.259
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.562.396.295	-	265.562.396.295
Các khoản phải thu ngắn hạn	91.064.958.388	-	91.064.958.388
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.956.691.181	-	2.956.691.181
	363.584.045.864	-	363.584.045.864
Phải trả người bán	49.235.914.588	-	49.235.914.588
Chi phí phải trả	31.441.431.489	-	31.441.431.489
	80.677.346.077	-	80.677.346.077
Chênh lệch thanh khoản thuần	282.906.699.787	-	282.906.699.787

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Cùng tập đoàn
Trường Đại học FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nội Dung Số FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Truyền thông FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Giải pháp Phần mềm Doanh nghiệp FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Cùng tập đoàn
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phần Mềm FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch Vụ Tin Học FPT	Cùng tập đoàn

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	429.945.455	790.567.273
Công ty Cổ phần FPT	4.068.200.000	4.025.141.668
Công ty Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	306.163.636	1.868.400.000
Trường Đại học FPT	121.600.000	215.307.824
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	1.782.928.304	-
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	3.551.271.078	5.319.427.295
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.369.485.433	1.794.179.937
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	16.205.468.845	31.438.038.184
Công ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông Quốc Tế FPT	7.503.042.567	-
Công ty Cổ phần FPT	9.741.760.301	9.504.493.115
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	-	10.722.116.018
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	-	1.740.078.648
Công ty Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	65.654.526	337.416.016
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	59.335.611	3.875.612.081
Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Tân Thuận	3.874.395.235	-
Công ty TNHH Phần Mềm FPT	10.741.403	-
Công ty TNHH Thương mại FPT	477.021.646	-
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT	149.226.956	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Tin Học FPT	21.035.454	-
Công ty CP Chứng Khoán FPT	24.000.000	26.076.000
Trường Đại học FPT	64.927.800	11.025.900
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám Đốc trong năm	<u>2.702.900.000</u>	<u>1.972.166.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	7.040.000	-
Công ty Cổ phần FPT	-	485.835
Công ty TNHH Nội Dung Số FPT	9.810.209	9.810.209
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	8.050.000	302.662.138
Công ty TNHH Truyền thông FPT	548.850.106	548.850.106
Công ty TNHH Thương mại FPT	52.800.000	-
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	1.854.266.162	-
Công ty TNHH Một thành viên Giải pháp Phần mềm Doanh nghiệp FPT	-	13.502.500
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	9.959.649.762	11.948.165.956
	<u>12.440.466.239</u>	<u>12.823.476.744</u>
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.297.102.667	4.979.613.514
Công ty Cổ phần FPT	-	749.237.972
Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	2.357.582.713	15.416.260
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận	161.850.260	161.850.260
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận	365.779.907	339.049.995
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	2.485.222.953	2.462.255.898
	<u>8.667.538.500</u>	<u>8.707.423.899</u>

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

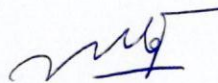
Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Thay đổi
I. Tài sản						
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4.000.000.000	1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>						
2. Phải thu khách hàng	131	90.994.737.701	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.000.000.000	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	10.731.249.331	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	90.994.737.701	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	70.220.687	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10.731.249.331	Đổi tên
5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	70.220.687	Đổi tên
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	29.489.463.793	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26.931.927	Trình bày lại
2. Người mua trả tiền trước	313	1.761.844.172	II. Nguồn vốn			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.311.278.805	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	29.489.463.793	Đổi tên
4. Chi phí phải trả	316	31.441.431.489	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.761.844.172	Đổi tên
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	23.953.207.011	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.338.210.732	Trình bày lại
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20.300.311.786	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	31.441.431.489	Đổi tên
7. Vốn điều lệ	411	140.853.360.000	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23.953.207.011	Đổi tên
			6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.300.311.786	Đổi tên
			7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	140.853.360.000	Đổi tên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	2015	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.002	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.515	Trình bày lại



Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu



Lê Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng



Thang Thị Bích Liên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 02 năm 2016

